



Số: 011991/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12555.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Sơn Sane, ấp Ô Đùng, xã Hiếu Tử (TCN Hiếu Tử)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,057	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	48,13	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12555.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,194	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12556.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Tô Hà Phương Thảo, ấp Tân Trung Giồng A, xã Hiếu Trung (TCN Hiếu Trung)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,051	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	39,69	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l

Mã số mẫu: 12556.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	$\mu\text{g/l}$
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,296	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011993 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12557.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Hữu Chí, ấp Ngãi Trung, xã Tập Ngãi (TCN Tập Ngãi)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,053	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0011	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	114,11	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,16	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	24,1	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	14,3	µg/l

Mã số mẫu: 12557.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,274	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

28-05-2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

**TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**



TS. Phan Long Hồ



Số: 011994/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12558.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Phạm Văn Kề, ấp Ngõ Văn Kiệt, xã Tập Ngãi (TCN Ngãi Hùng 1)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,058	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	57,43	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	16,7	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	3,73	µg/l

BM.7.8.4 a

Mã số mẫu: 12558.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,213	Bq/l

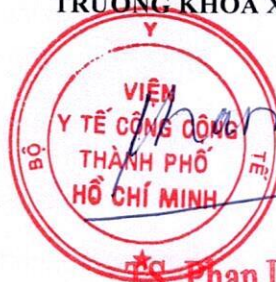
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12559.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Kim Văn Mạnh, ấp Trà Mềm, xã Ngãi Hùng (NMN Ngãi Hùng)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,116	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	66,77	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12559.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,317	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**.....

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011996 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12560.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lê Hoàng Nam, ấp Chợ, xã Tân Hùng (TCN Tân Hùng)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0009	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,059	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0045	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	110,98	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	2,26	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12560.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,305	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

28-05-2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12561.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thân Văn Quan, ấp Hòa Trinh, xã Hùng Hòa (NMN Hùng Hòa)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,061	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	116,05	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	5,86	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	24,4	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	14,7	µg/l

Mã số mẫu: 12561.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,365	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **0 1 19 9 8**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12562.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị Dung, ấp Nhơn Hòa, xã Tân Hòa (TCN Tân Hòa)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,057	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0019	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	111,44	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,00	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	23,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,7	µg/l

Mã số mẫu: 12562.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,348	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-05-2025.....



TS. Phan Long Hồ



Số: 011999 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12563.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị Nhơn, ấp Định Phú A, xã Long Thới (Liên trạm Định Phú A (Khóm 6) - Định Quới A (Khóm 4))
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,063	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0016	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	112,57	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	5,70	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	22,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,2	µg/l

Mã số mẫu: 12563.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,255	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



★ **TS. Phan Long Hồ**



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12564.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Văn Vỹ, ấp Định Phú B, xã Long Thới (TCN Long Thới)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,055	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	34,88	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12564.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,182	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **2.8 -05- 2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012001 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12565.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Liêu Minh Trí, ấp Cầu Tre, xã Phú Cần (TCN Cầu Tre)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,02$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,7$	0,057	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,3$	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	35,56	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	8,62	$\mu\text{g/l}$
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	$\mu\text{g/l}$
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	18,7	$\mu\text{g/l}$
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	3,25	$\mu\text{g/l}$

Mã số mẫu: 12565.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,278	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012002 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12566.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Quyền, ấp Cầu Tre, xã Phú Cần (TCN Phú Cần)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,052	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	46,20	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

Mã số mẫu: 12566.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,304	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

